

# BẢO HIỂM Y TẾ

## GIỚI THIỆU

Người đứng tên trên đơn bảo hiểm yêu cầu Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp (sau đây gọi là UIC), thông qua việc cung cấp Giấy yêu cầu bảo hiểm và/hoặc khai báo và/hoặc các thông tin khác đã được ký, bảo hiểm tai nạn và sức khỏe và đồng ý trả phí bảo hiểm cho dịch vụ bảo hiểm này.

Bất cứ lúc nào trong thời hạn bảo hiểm, người được bảo hiểm phát sinh các chi phí nằm viện và /hoặc phẫu thuật và/hoặc các chi phí khác như được nêu trong đơn bảo hiểm do bởi chết, thương tật, ốm đau, bệnh tật, UIC đồng ý chi trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm các quyền lợi trong Bảng quyền lợi bảo hiểm theo các chương trình bảo hiểm đã lựa chọn, miễn là tuân theo các loại trừ và các điều kiện, các điều khoản, các định nghĩa, các sửa đổi bổ sung, gọi chung là các điều khoản điều kiện, trong đơn bảo hiểm này.

Giấy yêu cầu bảo hiểm và/hoặc khai báo và/hoặc các thông tin khác do chủ hợp đồng bảo hiểm cung cấp sẽ là cơ sở của hợp đồng bảo hiểm này và được xem là một phần không tách rời của đơn bảo hiểm này.

## ĐỊNH NGHĨA

- 1. Tai nạn:** có nghĩa là sự kiện bất ngờ, không lường trước được hoặc tính trước
- 2. Tuổi:** Số tuổi được tính như sau:  
$$\text{Nếu thời điểm tham gia bảo hiểm trước sinh nhật, Số tuổi} = \text{Năm hiện tại} - \text{Năm sinh} - 1$$
$$\text{Nếu thời điểm tham gia bảo hiểm sau sinh nhật, Số tuổi} = \text{Năm hiện tại} - \text{Năm sinh}$$
- 3. Các tình trạng bẩm sinh:** có nghĩa là bất cứ sự bất thường về mặt y học hoặc thân thể tồn tại lúc sinh ra, cũng như các bất thường lúc mới sinh phát triển trong vòng 6 tháng sau sinh. Tình trạng này bao gồm cả các loại thoát vị và động kinh ngoại trừ gây ra bởi một chấn thương xảy ra sau ngày Người được bảo hiểm tiếp tục bảo hiểm theo đơn này.
- 4. Thương tật:** có nghĩa là ốm đau, bệnh tật hoặc toàn bộ các vết thương do bởi một hoặc nhiều tai nạn liên hoàn gây ra.
- 5. Ngày hiệu lực:** có nghĩa là ngày bắt đầu của đơn bảo hiểm hoặc là ngày người được bảo hiểm được kết nạp vào đơn bảo hiểm tùy ngày nào muộn hơn.
- 6. Giới hạn lãnh thổ:** có nghĩa là Việt Nam hoặc Châu Á trừ khi có những quy định khác được nêu trong Hợp đồng bảo hiểm. Lãnh thổ Châu Á được đề cập ở đây chỉ bao gồm những quốc gia sau: Hồng Kông, Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia, Philippines, Myanmar, Campuchia, Sri Lanka, Malaysia, Thái Lan và Singapore.
- 7. Bệnh viện:** có nghĩa là nơi chuẩn đoán hoặc điều trị các vết thương, ốm đau, bệnh tật được Nhà nước công nhận hợp pháp và:
  - Có đủ khả năng và các trang thiết bị để chuẩn đoán, điều trị và thực hiện phẫu thuật.
  - Có điều kiện thuận lợi cho việc điều trị tại chỗ hoặc có hệ thống theo dõi sức khỏe hàng ngày cho bệnh nhân.

- Không phải là nơi để phục hồi sức khỏe hoặc nghỉ dưỡng hoặc nơi đặc biệt dành cho người già hoặc trợ giúp cai nghiện rượu, ma túy, sử dụng chất kích thích hoặc để điều trị các rối loạn tâm thần, bệnh phong.
8. **Nhập viện:** có nghĩa là sự cần thiết để người được bảo hiểm phải nhập viện điều trị ít nhất 24h kể từ ngày nhập viện ghi trong Giấy Nhập viện cho đến ngày ra viện ghi trong Giấy ra viện.
  9. **Vết thương:** có nghĩa là thương tật thân thể gây ra bởi một tai nạn.
  10. **Ôm đau bệnh tật:** có nghĩa là bệnh lý bất ngờ, ngoài mong đợi so với tình trạng sức khỏe bình thường, biểu hiện bởi sự gián đoạn, ngừng hoặc rối loạn các chức năng, hệ thống hoặc bộ phận được xác nhận bởi bác sĩ được cấp giấy phép hành nghề hợp pháp.
  11. **Người được bảo hiểm:** có nghĩa là mỗi người được nói đến trong đơn bảo hiểm có độ tuổi từ 2 tháng tuổi đến 69 tuổi và không bị thương tật vĩnh viễn trên 50% hoặc bị khiếm khuyết về tâm thần hoặc bệnh tâm thần và là thành viên của Wellbe.
  12. **Các chi phí y tế:** có nghĩa là các chi phí thông thường thực tế phát sinh trong thời hạn bảo hiểm do bởi các thương tật ốm đau bệnh tật mà theo đó các chi phí này phải hợp lý và theo mức thông thường tại nơi mà việc điều trị diễn ra.
  13. **Cần thiết về mặt y tế:** có nghĩa là dịch vụ y tế:
    - a. Phù hợp với chuẩn đoán và điều trị y tế thông thường cho thương tật ốm đau bệnh tật; và
    - b. Phù hợp với các tiêu chuẩn y tế, tiêu chuẩn hiện tại của các chăm sóc y tế chuyên nghiệp, và của các quyền lợi y tế đã được xác thực, và
    - c. Không phải là các tiện nghi của Người được bảo hiểm hoặc bác sĩ và không được đưa ra một cách hợp lý bởi bệnh viện (nếu điều trị nội trú), và
    - d. Không phải cho mục đích thí nghiệm, điều tra, nghiên cứu, ngăn ngừa bệnh tật và
    - e. Chi phí đó phải hợp lý, theo như thông lệ áp dụng đối với thương tật ốm đau bệnh tật đó.
  14. **Người mua bảo hiểm:** có nghĩa là bất cứ bên nào thay mặt người được bảo hiểm, quyết định và ký kết đơn bảo hiểm với UIC và được ghi tên vào mục Người mua bảo hiểm trong đơn bảo hiểm.
  15. **Bệnh có sẵn:** có nghĩa là thương tật, ốm đau bệnh tật tồn tại hoặc phát triển các triệu chứng hoặc biểu hiện của bệnh tật trước ngày hiệu lực của bảo hiểm mà người được bảo hiểm đã nhận thức được hoặc đáng lẽ phải nhận thức được, dựa trên sự phát triển bệnh lý của bệnh tật được thừa nhận một cách thông thường.
  16. **Nơi cư trú:** có nghĩa là địa chỉ nơi cư trú được người bảo hiểm khai báo.
  17. **Ngày tái tục:** có nghĩa là ngày ngay sau theo sau ngày cuối cùng của thời hạn bảo hiểm.
  18. **Chi phí thông thường và hợp lý:** có nghĩa là các chi phí cần thiết về mặt y tế được xem là hợp lý và thông thường tới chừng mực không vượt quá mức chi phí chung của các nhà cung cấp dịch vụ y tế có cùng mức độ trong khu vực, nơi phát sinh chi phí đó, khi cung cấp các dịch vụ điều trị tương đương cho cá nhân cùng giới tính, cùng độ tuổi cho cùng thương tật ốm đau, bệnh tật phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ y tế đã được thừa nhận mà nếu bỏ qua có thể có ảnh hưởng bất lợi cho điều kiện sức khỏe của người được bảo hiểm.

19. **Phẫu thuật:** có nghĩa là các phương pháp kỹ thuật để điều trị một thương tật, ốm đau bệnh tật được thực hiện bởi bác sĩ phẫu thuật bằng tay với các dụng cụ y tế hoặc bởi thiết bị y tế tại bệnh viện.
20. **Bệnh nghiêm trọng:** có nghĩa là các bệnh sau đây:
- Ung thư
  - Bệnh về tim, gan phổi, tuyến tụy, thận và tủy xương
  - Bệnh liên quan đến hệ thống tạo máu
  - Khiếm khuyết về học môn tăng trưởng
  - Bệnh đái tháo đường
  - Bệnh Parkinson
21. **Vật lý trị liệu:** có nghĩa là việc điều trị bằng các biện pháp vật lý để làm giảm cơn đau của bệnh nhân hoặc khôi phục lại chức năng cơ bắp hoặc các hoạt động bình thường hàng ngày theo chỉ định của các bác sĩ điều trị, bao gồm nhưng không giới hạn đối với xạ trị, nhiệt trị liệu hoặc quang trị liệu.
22. **Điều kiện vận chuyển cấp cứu:** có nghĩa là những chi phí cần thiết cho việc vận chuyển cấp cứu và y tế trên đường để đưa người được bảo hiểm đến bệnh viện gần nhất nơi mà các dịch vụ chăm sóc y tế và cơ sở vật chất thích hợp có sẵn nằm trong giới hạn lãnh thổ, miễn là người được bảo hiểm đáp ứng được cả hai điều kiện 1) và 2) dưới đây:
- 1) Trong trường hợp theo ý kiến của bác sĩ cần điều trị khẩn cấp để giúp người được bảo hiểm không chết hoặc không bị trầm trọng hơn.
  - 2) Trong trường hợp người được bảo hiểm rơi vào một trong những tình trạng sau:
    - (i) Bệnh viện thông báo tình trạng nguy kịch cho gia đình người được bảo hiểm
    - (ii) Người được bảo hiểm tiến hành phẫu thuật gây ra bởi:
      - Phẫu thuật vùng đầu gây ra bởi vết thương nghiêm trọng
      - Phẫu thuật cho bệnh viêm màng phổi
      - Phẫu thuật các bệnh về ruột gây ra bởi vết thương nghiêm trọng
    - (iii) Người được bảo hiểm đã nhập viện chữa bệnh nội trú để điều trị y tế trên 3 ngày liên tục do bởi các bệnh sau:
      - Gãy xương sống do bởi vết thương nghiêm trọng
      - Bệnh tim mạch
      - Bệnh máu não
      - Chứng phình động mạch
      - Viêm màng não khuẩn
      - Tắc mạch phổi

## CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG

Các điều kiện có trong đơn bảo hiểm hoặc bất cứ Sửa đổi bổ sung là một phần của Hợp đồng bảo hiểm và phải được tuân thủ. Đây là các điều kiện tiên quyết để đòi bồi thường từ chúng tôi

1. Đơn bảo hiểm sẽ mất hiệu lực trong trường hợp trình bày sai, mô tả sai hoặc không nói rõ các sự thật liên quan.

2. Người mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho chúng tôi ngay lập tức những thay đổi mà Chủ hợp đồng bảo hiểm nhận thức được về công việc, việc làm, nhiệm vụ hoặc nghề nghiệp của Người được bảo hiểm, hoặc bất cứ sự thay đổi nào có thể làm tăng khả năng xảy ra khiếu nại bồi thường theo đơn bảo hiểm này. Người mua bảo hiểm có thể yêu cầu trả thêm phí do bởi những thay đổi này. Trước khi tái tục bảo hiểm, người mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản bất kỳ thương tật ốm đau bệnh tật của Người được bảo hiểm mà họ biết.
3. UIC sẽ không công nhận hoặc bị ảnh hưởng bởi thông báo ủy thác, thế chấp hoặc chuyển nhượng liên quan đến đơn bảo hiểm này.
4. Trong trường hợp chấp nhận chi trả cho các quyền lợi theo đơn bảo hiểm này, UIC sẽ được thế quyền đòi khiếu nại bồi thường hoặc truy đòi đối với bên thứ 3.
5. Đơn bảo hiểm này được tái tục hàng năm dựa trên sự đồng ý của UIC và người mua bảo hiểm.
6. Các điều kiện, điều khoản, loại trừ của đơn bảo hiểm và các sửa đổi cần thiết sẽ được áp dụng đối với đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm.
7. Chấm dứt đơn bảo hiểm:

Bảo hiểm cho mỗi người được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm này sẽ tự động chấm dứt vào ngày dưới đây tùy thuộc ngày nào xảy ra trước:

- a. Bảo hiểm cho mỗi người được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm này sẽ chấm dứt vào ngày tái tục của đơn nếu như đơn bảo hiểm này không được tái tục theo thỏa thuận giữa UIC và người mua bảo hiểm.  
UIC sẽ không chi trả bất cứ quyền lợi liên quan đến điều trị cho Người được bảo hiểm người mà bảo hiểm đã bị chấm dứt phát sinh vào hoặc sau ngày chấm dứt đơn bảo hiểm có hiệu lực
  - b. Người được bảo hiểm chết.
  - c. Tất cả Tổng hạn mức trách nhiệm năm đã được chi trả.
  - d. Khi bất cứ người được bảo hiểm nào đạt mốc 69 tuổi vào ngày tái tục của đơn bảo hiểm, bảo hiểm cho người được bảo hiểm đó sẽ chấm dứt và sẽ không được tái tục.
  - e. Khi người được bảo hiểm tham gia quân đội, hải quân, cảnh sát, không quân theo diện toàn thời gian.
  - f. Vi phạm pháp luật dẫn đến phải ngồi tù.
8. Trong trường hợp bất cứ bên nào muốn hủy bỏ đơn bảo hiểm, bên đó sẽ thông báo cho phía bên kia bằng văn bản trước 30 ngày. Trong trường hợp 2 bên đồng ý hủy đơn bằng văn bản, UIC sẽ hoàn phí trên cơ sở tỷ lệ, miễn là **cho đến lúc đó không có khiếu nại bồi thường được thực hiện.**
9. Trong trường hợp thêm và/hoặc bớt người được bảo hiểm, khoản phí bổ sung/hoàn lại sẽ được tính toán trên cơ sở tỷ lệ.

### CÁC LOẠI TRỪ CHUNG

Đơn bảo hiểm sẽ không chi trả cho bất cứ quyền lợi liên quan đến những sự kiện gây ra bởi:

1. Phóng xạ ion hoá hay nhiễm bản từ bất kỳ nguyên liệu hay chất thải hạt nhân nào hoặc từ sự đốt cháy các nhiên liệu hạt nhân,
2. Các chất nhiễm xạ, độc hại, chất nổ hay các chất nguy hiểm khác từ các thành phần hạt nhân, gây nổ;
3. Chiến tranh, xâm lược, hành động thù địch của nước ngoài, hành động chiến tranh (dù chiến tranh có hay không tuyên bố) nội chiến,
4. Nổi loạn, bạo động dân sự có tính chất hoặc mang ý nghĩa của những cuộc nổi dậy quân chúng, binh biến, khởi nghĩa, dấy loạn, cách mạng, lực lượng quân sự tiếm quyền, thiết quân luật hay bao vây nhà nước hay bất kì sự kiện hay nguyên nhân nào quyết định việc tuyên bố hay duy trì tình trạng thiết quân luật hay bao vây nhà nước.
5. Mang thai, sinh con hoặc khuyết tật hoặc ốm yếu về mặt tâm thần.

6. Tự tử hoặc tự làm thương tật cố ý hoặc cố ý tiếp xúc với nguy hiểm (ngoại trừ trường hợp cố gắng để cứu sinh mạng con người).
7. Cố ý tự gây thương tích, cố ý tự tử, kích động tự tử, giết người hay bất cứ hành vi nào phát sinh theo;
8. Thương tật ốm đau là do bởi hành động phạm tội của người mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm, vi phạm hoặc cố tình vi phạm luật hoặc chống lại lệnh bắt giữ hoặc phạt tù.
9. Bất cứ chi phí điều trị phát sinh từ tai nạn, ốm đau bệnh tật xảy ra trong quá trình làm việc và cấu thành một khiếu nại đòi bồi thường theo đơn bảo hiểm theo quy định của Luật lao động trừ những chi phí vượt quá.
10. Sử dụng hoặc điều trị bằng thuốc không được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền tại nước mà thuốc đó được kê/dùng.
11. Người được bảo hiểm bị ảnh hưởng của rượu, trừ phi có bằng chứng chứng minh cho chúng tôi một cách tương đối thỏa mãn rằng ảnh hưởng của rượu không phải là yếu tố chính gây ra thương tật, ốm đau.

## PHẦN I – BẢO HIỂM TAI NẠN

### BỒI THƯỜNG

Chúng tôi sẽ chi trả cho người mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm khi bị chết hoặc thương tật (hậu quả) như mô tả dưới đây nếu Người được bảo hiểm bị thương trong vòng 2 năm là nguyên nhân duy nhất gây ra chết hoặc thương tật cho Người được bảo hiểm.

1. Chết: Chúng tôi bồi thường toàn bộ số tiền bảo hiểm như quy định trong chương trình bảo hiểm đã chọn.
2. Thương tật vĩnh viễn: Chúng tôi bồi thường theo tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo theo như Bảng tỷ lệ thương tật trong Phụ lục 3, nhưng không vượt quá 100% cho mỗi người được bảo hiểm.
3. Chi phí y tế: Tất cả các chi phí y tế cần thiết phát sinh trong vòng 104 tuần kể từ ngày bị thương; Bồi thường lên đến Hạn mức chi phí y tế quy định trong chương trình bảo hiểm đã chọn (chi tiết quy định trong Phần 3 – Quyền lợi chi phí y tế).
4. Các chi phí phát sinh khác như quy định trong chương trình bảo hiểm đã chọn.

### CÁC LOẠI TRỪ

Đơn bảo hiểm này sẽ không chi trả cho bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào liên quan đến các sự kiện gây ra bởi:

1. Thương tật bị gây ra bởi người được bảo hiểm đang tham gia vào:
  - du lịch bằng máy bay trừ phi với tư cách là một hành khách trong một máy bay chở khách có giấy phép đầy đủ.
  - bất kỳ nhân viên phi hành đoàn, thương mại hoặc kỹ thuật viên liên quan tới một máy bay.
2. Gây ra bởi người được bảo hiểm đang tiến hành hoặc đang thực hành:
  - nhảy dù
  - lướt xuống dốc
  - bất kỳ cuộc đua nào (ngoài điện kinh) hoặc thử tốc độ hoặc sức bền chịu đựng
  - leo núi hay leo vách đá cần thiết đến việc sử dụng các hướng dẫn hay dây thừng
  - các hoạt động dưới nước cần thiết đến việc sử dụng bình hơi hay khí nén
  - bất kỳ hoạt động thể thao chuyên nghiệp nào.
3. Thương tật bị gây ra bởi hành động của người được bảo hiểm như việc lái xe không có bằng lái hợp lệ (trong trường hợp sử dụng xe bắt buộc phải có bằng lái xe theo quy định của pháp luật).

## PHẦN 2: BẢO HIỂM SỨC KHỎE

### BỒI THƯỜNG

Chúng tôi sẽ chi trả cho Người mua bảo hiểm và /hoặc Người được bảo hiểm các quyền lợi quy định trên đơn bảo hiểm nếu như Người được bảo hiểm chết (áp dụng theo chương trình bảo hiểm đã chọn) và/hoặc các chi phí y tế và/hoặc các chi phí khác như đã nêu rõ trong đơn bảo hiểm hậu quả của ốm đau bệnh tật.

1. Chết: Chúng tôi bồi thường tổng số tiền bảo hiểm như quy định trong chương trình bảo hiểm đã chọn.
2. Chi phí y tế: Bồi thường lên đến Hạn mức trách nhiệm như đã nêu trong chương trình bảo hiểm đã chọn (chi tiết quy định trong Phần 3 – Quyền lợi chi phí y tế).
3. Các chi phí phát sinh khác như quy định trong chương trình bảo hiểm đã chọn.

### CÁC LOẠI TRỪ

Đơn bảo hiểm này sẽ không chi trả cho bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào liên quan đến các sự kiện và cả tình trạng y tế phát sinh từ:

1. Bệnh có sẵn nhưng loại trừ sẽ chỉ có hiệu lực trong năm bảo hiểm đầu tiên. Đối với bất kỳ Người được bảo hiểm tham gia bảo hiểm sau ngày bắt đầu bảo hiểm, loại trừ này sẽ có hiệu lực trong vòng 1 năm.
2. Điều trị liên quan đến khiếm khuyết hoặc bệnh bẩm sinh. Khiếm khuyết khi sinh được coi như bao gồm cả những bệnh di truyền.
3. Bệnh nghiêm trọng (bao gồm điều trị, điều trị giảm nhẹ cùng tất cả các hậu quả liên quan) nhưng loại trừ này chỉ có hiệu lực trong năm bảo hiểm đầu tiên. Đối với bất kỳ Người được bảo hiểm tham gia bảo hiểm sau ngày bắt đầu bảo hiểm, loại trừ này sẽ có hiệu lực trong vòng 1 năm.
4. Các chi phí cho dịch vụ tại các cơ sở chữa bệnh bằng nước, liệu pháp tự nhiên hoặc tương tự hoặc chi phí y tá tại nhà kèm theo các dịch vụ trên.
5. Kiểm tra sức khỏe định kỳ hoặc các xét nghiệm khác không liên quan đến điều trị hoặc chuẩn đoán thương tật, ốm đau bệnh tật, điều trị mang tính chất ngăn ngừa (trừ tiêm vắc xin), điều trị bệnh béo phì, giảm cân, tăng cân, tình trạng răng trừ khi được bảo hiểm theo đơn này.
6. Điều trị suy tĩnh mạch tinh hoàn, bệnh liệt dương hoặc các hậu quả tương tự.
7. Phẫu thuật bao quy đầu trừ khi cần thiết về mặt y tế.
8. Khám thai và các điều trị phát sinh từ việc mang thai, sảy thai (trừ khi sảy thai do bởi Người được bảo hiểm bị ngã với các vết thương bên ngoài hoặc bị tai nạn giao thông) hoặc sinh con (bao gồm các xét nghiệm chuẩn đoán cho việc sinh con), các xét nghiệm và điều trị bệnh hiếm muộn, các chi phí cho phá thai, triệt sản hoặc biện pháp tránh thai bao gồm cả các biến chứng đi kèm.
9. Điều trị làm đẹp không phải là điều trị thực hiện do hậu quả của tai nạn trong thời hạn bảo hiểm.
10. Thiết bị dụng cụ răng kính thủy tinh thể hoặc trợ thính trừ khi có quy định khác.
11. Khám hoặc điều trị, phẫu thuật chỉnh khúc xạ mắt, trừ khi phẫu thuật là cần thiết cho tổn thương do bởi nguyên nhân duy nhất là do tai nạn được bảo hiểm theo đơn này gây ra.
12. Các dịch vụ không mang tính chất y tế do bệnh viện cung cấp như Tivi, điện thoại, báo, đài, bữa ăn cho khách hoặc các cơ sở vật chất tương tự và các xa xỉ phẩm cá nhân.
13. Chi phí mua tạng để cấy ghép hoặc tất cả các chi phí phát sinh do hiến tạng.
14. Điều trị hoặc phẫu thuật các bất thường, dị tật bẩm sinh bao gồm cả bệnh/tình trạng di truyền.
15. Điều trị cải thiện chậm phát triển và/hoặc không đủ khả năng tiếp thu kiến thức ở trẻ em.
16. Điều trị Hội chứng phụ thuộc rượu và/hoặc các lạm dụng thuốc hoặc rượu bao gồm cả điều trị bất cứ tình trạng y tế mà theo quan điểm của tư vấn y tế UIC chỉ định cho rằng do hội chứng trên gây ra.



17. Bất cứ xét nghiệm nghiên cứu trực tiếp hoặc gián tiếp là do bởi hoặc liên quan đến:
  - a. Nhiễm, bao gồm cả dương tính với HIV hoặc AIDS hoặc các hội chứng tình trạng tương tự hoặc liên quan hoặc
  - b. Bất cứ tình trạng hoặc ốm đau bệnh tật trực tiếp hoặc gián tiếp phát sinh từ tình trạng nhiễm bệnh hoặc hội chứng nói trên.
  - c. Các bệnh lây qua đường tình dục.
18. Điều trị liên quan đến chuyển đổi giới tính.
19. Điều trị tâm thần hoặc điều trị rối loạn tâm thần.
20. Điều trị do một thành viên trong gia đình người được bảo hiểm làm và bất cứ trị liệu tự động nào bao gồm cả thuốc được kê.
21. Chi phí đánh giá lại tình trạng y tế trừ khi người tư vấn y tế của người được bảo hiểm cho việc đó là hợp lý và cần thiết cho tình trạng y tế hiện tại.
22. Điều trị sau khi hết thời hạn bảo hiểm trừ khi đơn bảo hiểm được tái tục với ân hạn trong vòng 30 ngày và thanh toán đủ phí bảo hiểm của cả năm.
23. Người được bảo hiểm vắng mặt ở Việt Nam 180 ngày liên tục trong suốt thời hạn bảo hiểm trừ khi có UIC đồng ý bảo hiểm cho sự vắng mặt đó và phí bổ sung sẽ được áp dụng.

### PHẦN 3 – CÁC QUYỀN LỢI CHI PHÍ Y TẾ

#### 1. Tiền phòng

UIC sẽ chi trả chi phí tiền phòng và ăn hợp lý và ở mức thông thường. Chi phí này sẽ là chi phí thực tế mà bệnh viện tính giá trong suốt thời gian mà người được bảo hiểm ở tại bệnh viện tuy nhiên sẽ không vượt quá hạn mức quy định trong chương trình bảo hiểm đã chọn. Người được bảo hiểm chỉ được hưởng quyền lợi này trong khi ở tại bệnh viện để điều trị nội trú.

#### 2. Chi phí thuê chỗ ở của người đi kèm

UIC sẽ chi trả chi phí thuê chỗ ở cho người đi kèm người được bảo hiểm là bệnh nhân trẻ em (dưới 15 tuổi) trong thời gian ở bệnh viện nhưng không vượt quá hạn mức quy định trong chương trình bảo hiểm đã chọn.

#### 3. Chi phí phẫu thuật

UIC sẽ chi trả cho chi phí phẫu thuật thực tế do bác sĩ phẫu thuật, gây mê hoặc sử dụng phòng mổ phát sinh khi phẫu thuật tại bệnh viện hoặc phòng khám bệnh bởi bác sĩ phẫu thuật đảm bảo tiêu chuẩn.

#### 4. Cấy ghép bộ phận cơ thể

UIC sẽ chi trả các chi phí phẫu thuật để cấy ghép tim, phổi, gan, tuyến tụy, thận hoặc tuỷ xương cho Người được bảo hiểm được tiến hành tại một bệnh viện bởi một bác sĩ có trình độ bao gồm cả chi phí cho người gây mê và sử dụng phòng mổ.

#### 5. Y tá chăm sóc tại nhà

UIC sẽ chi trả chi phí thực tế cho người được bảo hiểm thuê dịch vụ y tá tại nhà toàn thời gian hay bán thời gian được thực hiện bởi y tá được cấp phép hành nghề tại nhà của Người được bảo hiểm cho việc điều trị liên tục được bác sĩ chỉ định mà điều trị này đã được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm này mà do vậy người được bảo hiểm phải nhập viện trước đó.

Lần quyết toán lần đầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất viện sẽ được chi trả và sẽ tiếp tục được chi trả cho đến tối đa 60 ngày. Dịch vụ này phải được xem như thật sự cần thiết về mặt y tế không phải cho các mục đích phục vụ sinh hoạt và phải được bác sĩ điều trị chỉ định và cho phép bằng văn

bản. Tổng chi phí chi trả cho dịch vụ trong thời hạn bảo hiểm không vượt quá hạn mức quy định trong chương trình bảo hiểm đã chọn.

#### **6. Chăm sóc đặc biệt**

UIC sẽ chi trả cho các chi phí liên quan đến việc chăm sóc bệnh nhân tại các loại phòng chăm sóc đặc biệt ICU (Intensive Care Unit), HDU (High Dependency Unit), CCU (Coronary Care Unit).

#### **7. Khám trước khi nhập viện**

UIC sẽ chi trả cho các chi phí phát sinh từ việc kiểm tra sử dụng các dụng cụ và các xét nghiệm ở phòng xét nghiệm chỉ định bởi bác sĩ trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện và là kết quả phát sinh trực tiếp từ tình trạng mà theo đó nhập viện sẽ được yêu cầu.

#### **8. Điều trị sau khi xuất viện**

UIC sẽ chi trả cho các chi phí điều trị cần thiết ngay sau khi xuất viện theo chỉ định của bác sĩ phát sinh từ tình trạng đã yêu cầu nhập viện. Điều trị này bao gồm: tái khám, các xét nghiệm, tiền thuốc và được sử dụng hoặc thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất viện.

#### **9. Điều trị cấp cứu**

UIC sẽ chi trả các chi phí cho dịch vụ y tế cấp cứu cần thiết cho điều trị cấp cứu để cứu sống hoặc tránh làm trầm trọng thêm cho người được bảo hiểm.

#### **10. Điều trị răng cấp cứu do tai nạn**

Nếu điều trị y tế là cần thiết do bởi tai nạn xảy ra đối với răng tự nhiên chắc khỏe, UIC sẽ chi trả các chi phí thực tế phát sinh do điều trị không vượt quá hạn mức quy định trong Chương trình bảo hiểm đã chọn. Quyền lợi này được chi trả miễn là điều trị sẽ được tiến hành trong vòng 24 tiếng kể từ lúc xảy ra tai nạn. Các điều trị sau đó sẽ phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn.

#### **11. Các chi phí bệnh viện khác**

Các chi phí thực tế phát sinh bao gồm nhưng không hạn chế các chi phí sau trong khi nằm viện

- a. Thuốc và dược phẩm sử dụng trong khi nằm viện;
- b. Băng, nẹp thông thường và bột
- c. Xét nghiệm;
- d. Điện tâm đồ
- e. Xét nghiệm chuyển hóa cơ bản
- f. Vật lý trị liệu
- g. Liệu pháp X-quang, liệu pháp radi; radi và đồng vị
- h. X-quang;
- i. Tiêm truyền tĩnh mạch;

Đối với các xét nghiệm chuẩn đoán bao gồm nhưng không hạn chế như Positron Emission Tomography (PET) Scan, Computed Tomography (CT) Scan, Computed Axial Tomography (CAT) Scan, Magnetic Resonance Imaging (MRI): Chúng tôi chỉ chi trả các chi phí hợp lý cho các xét nghiệm chuẩn đoán có liên quan đến thương tật ốm đau mà bác sĩ điều trị chỉ định. Các xét nghiệm mang tính chất nghiên cứu và điều trị ngăn ngừa không có liên quan đến điều trị cho thương tật ốm đau được bảo hiểm sẽ không thuộc phạm vi bảo hiểm.

#### **12. Tổng hạn mức trách nhiệm năm**

Là các quyền lợi liên quan đến các chi phí điều trị cho người được bảo hiểm trong thời hạn bảo hiểm sẽ giới hạn bởi Tổng hạn mức trách nhiệm năm như quy định trong chương trình bảo hiểm đã chọn. Trong trường hợp Tổng hạn mức trách nhiệm năm đã được chi trả hết, bảo hiểm cho Người được bảo hiểm sẽ chấm dứt và không được chi trả bất cứ quyền lợi nào trong thời hạn bảo hiểm còn lại của đơn.



## PHẦN 4 – CHI PHÍ VẬN CHUYỂN Y TẾ CẤP CỨU

1-Trường hợp người được bảo hiểm bị chết do tai nạn, ốm đau, bệnh tật, UIC sẽ bồi thường những chi phí thực tế sau cho người đại diện hợp pháp hoặc gia đình của nạn nhân (nhưng không quá 3 người), nhưng không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi bảo hiểm.

**a. Chi phí cho gia đình nạn nhân đi nhận tử thi**

UIC sẽ chi trả cho chi phí đi lại thực tế và hợp lý cho người nhà nạn nhân chặng từ nhà tới nơi xảy ra tai nạn hoặc nơi cư trú của nạn nhân bao gồm cả chi phí đi lại trong nội địa và chặng ngược lại với điều kiện chỉ chi trả một lần trong suốt thời hạn của mỗi đơn bảo hiểm và không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**b. Chi phí đi lại và liên lạc**

UIC sẽ chi trả chi phí đi lại thực tế và hợp lý phát sinh tại nơi xảy ra tai nạn hoặc nơi cư trú của nạn nhân cùng với chi phí liên lạc thực tế và hợp lý để liên lạc với công ty hay người có liên quan đến vụ việc, không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**c. Chi phí phòng ở**

UIC sẽ chi trả chi phí thuê phòng ở hàng ngày hợp lý tại nơi xảy ra tai nạn hay nơi cư trú của nạn nhân cho tối đa 3 người và tối đa 20 ngày cho mỗi năm bảo hiểm, không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**d. Chi phí vận chuyển thi hài (hồi hương thi hài)**

UIC sẽ chi trả chi phí hợp lý để vận chuyển thi hài từ nơi tử nạn về quê hương hoặc về nơi cư trú, không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**e. Các chi phí khác:**

UIC sẽ chi trả các chi phí hợp lý khác liên quan đến việc đi đón nhận tử thi như phí làm hộ chiếu, phí xin visa, phí tiêm vắc xin....

2-Trường hợp người được bảo hiểm thuộc diện cần được vận chuyển y tế cấp cứu đặc biệt theo như điều kiện ở phần “ĐỊNH NGHĨA”, UIC sẽ chi trả các chi phí thực tế sau cho người được bảo hiểm hay người đại diện hợp pháp hoặc gia đình của người được bảo hiểm (nhưng không quá 3 người), không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**a. Chi phí vận chuyển y tế cho người được bảo hiểm**

UIC sẽ chi trả chi phí vận chuyển thực tế và hợp lý để đưa người được bảo hiểm tới bệnh viện tại châu Á nơi có chế độ điều trị phù hợp, bao gồm cả chi phí đi lại trong nội địa, với điều kiện chỉ được thanh toán 1 lần trong suốt thời hạn của mỗi đơn bảo hiểm và không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**b. Chi phí đi lại và phòng ở cho bác sỹ và y tá**

UIC sẽ chi trả các chi phí đi lại và phòng ở thực tế và hợp lý cho bác sỹ và y tá đi cùng người được bảo hiểm vì mục đích vận chuyển tại điểm “a” trên đây, không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**c. Các chi phí khác**

UIC sẽ chi trả các chi phí hợp lý khác liên quan đến việc vận chuyển y tế cấp cứu do UIC chấp thuận, không vượt quá theo hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**d. Chi phí cho gia đình đến trợ giúp nạn nhân**

UIC sẽ chi trả chi phí đi lại thực tế và hợp lý chặng từ nhà của gia đình người được bảo hiểm tới nơi xảy ra tai nạn hoặc tới bệnh viện nơi người được bảo hiểm được chuyển tới theo yêu cầu của bác sỹ, bao gồm cả đi lại trong nội địa và chặng ngược lại, với điều kiện chỉ thanh toán một lần trong suốt

thời hạn mỗi đơn bảo hiểm và không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**e. Chi phí đi lại và liên lạc cho gia đình người được bảo hiểm**

UIC sẽ chi trả các chi phí đi lại thực tế và hợp lý cho gia đình người được bảo hiểm tại nơi xảy ra tai nạn hoặc tại nơi có bệnh viện mà người được bảo hiểm được chuyển tới theo yêu cầu của bác sỹ, cùng với chi phí liên lạc thực tế và hợp lý để gia đình người được bảo hiểm liên lạc với công ty và những người có liên quan tới vụ việc, không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**f. Chi phí thuê phòng ở cho gia đình người được bảo hiểm**

UIC sẽ chi trả chi phí thuê phòng ở thực tế và hợp lý tại nơi xảy ra tai nạn hoặc nơi có bệnh viện mà người được bảo hiểm được chuyển tới theo yêu cầu của bác sỹ cho tối đa 3 người đi kèm và tối đa 7 ngày cho mỗi đơn bảo hiểm, không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**3-UIC sẽ chi trả các chi phí thực tế sau đây cho người được bảo hiểm hay người đại diện hợp pháp của người được bảo hiểm, không vượt quá hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi, với điều kiện chỉ chi trả một (01) lần cho mỗi đơn bảo hiểm trong trường hợp người được bảo hiểm được bác sỹ điều trị đồng ý cùng với các giấy tờ chứng nhận chính thức đi kèm cho chuyển tới bệnh viện khác tại châu Á nơi có chế độ điều trị phù hợp. Đây được coi là trường hợp vận chuyển y tế cấp cứu ngoại lệ so với trường hợp “2” ở trên.**

**a. Chi phí vận chuyển y tế cấp cứu cho người được bảo hiểm**

UIC sẽ chi trả chi phí vận chuyển thực tế và hợp lý để đưa người được bảo hiểm tới bệnh viện tại châu Á nơi có chế độ điều trị thích hợp, bao gồm cả chi phí vận chuyển trong nội địa.

**b. Các chi phí khác**

UIC sẽ chi trả các chi phí hợp lý khác liên quan đến việc vận chuyển do UIC chấp thuận theo hạn mức trách nhiệm theo chương trình bảo hiểm đã chọn trong Bảng quyền lợi.

**c. Chi phí đi lại và thuê phòng ở cho bác sỹ và y tá**

UIC sẽ chi trả chi phí đi lại và thuê phòng ở thực tế và hợp lý cho bác sỹ và y tá đi kèm với mục đích vận chuyển cấp cứu nói trên và liên quan đến sự kiện được bảo hiểm.

## QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG

Việc chi trả bồi thường dưới đơn bảo hiểm này sẽ tuân theo các điều kiện điều khoản áp dụng với người được bảo hiểm hoặc bất kỳ người khiếu nại đòi bồi thường nào.

1. Người mua bảo hiểm/người được bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản tới UIC hay đại lý của chúng tôi trong thời gian nhanh nhất có thể đầy đủ chi tiết của bất kỳ thương tật ốm đau bệnh tật có thể dẫn tới khiếu nại đòi bồi thường dưới đơn bảo hiểm này. UIC có thể chỉ định Wellbe thay mặt mình giải quyết bồi thường, theo đó tất cả các quyền của UIC trong quá trình giải quyết bồi thường sẽ được áp dụng ngang bằng với bên thứ ba đại diện cho UIC đó.
2. Người mua bảo hiểm/người được bảo hiểm phải sử dụng dịch vụ y tế của bác sỹ/người điều trị được cấp phép hoạt động và bất kỳ sự điều trị cho người được bảo hiểm do bác sỹ/người điều trị đó tiến hành phải là cần thiết về mặt y học.
3. Người mua bảo hiểm/người được bảo hiểm và bất kỳ ai đại diện cho họ không được có hành động gian dối, sai phạm hay trục lợi bảo hiểm, nếu không chúng tôi không chi trả bất cứ quyền lợi của đơn bảo hiểm này.
4. Người mua bảo hiểm/người được bảo hiểm và/hoặc bất kỳ người đại diện hợp pháp nào của họ phải hợp tác chặt chẽ với UIC và người tư vấn y tế của UIC và phải khai báo đầy đủ và thành thật tất cả các chi tiết và vấn đề mà người được bảo hiểm biết và cần phải biết.

5. Tất cả các giấy chứng nhận, thông tin và chứng cứ do UIC yêu cầu sẽ được cung cấp với chi phí của người mua bảo hiểm và hoặc người được bảo hiểm và theo mẫu hay hình thức mà UIC mô tả. Người mua bảo hiểm và/hoặc người được bảo hiểm sẽ phải cung cấp thư ủy quyền theo như yêu cầu của UIC, người đại diện và người tư vấn y tế của UIC để có thể kiểm tra các thông tin lưu trữ về việc điều trị liên quan đến sự việc có thể dẫn tới khiếu nại đòi bồi thường.
6. Người được bảo hiểm, trong trường hợp khiếu nại đòi bồi thường, với chi phí của UIC, bất cứ khi nào được yêu cầu phải được kiểm tra lại tình trạng sức khỏe bởi một bác sỹ đã được cấp phép hoạt động và do UIC chỉ định.
7. Khi yêu cầu UIC giải quyết bồi thường, người mua bảo hiểm/người được bảo hiểm hay người đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền của họ phải cung cấp cho UIC đầy đủ các tài liệu sau trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất viện hoặc chết:
  - Đơn yêu cầu bồi thường
  - Các hóa đơn chứng từ sử dụng dịch vụ y tế: đơn thuốc, hóa đơn điều trị y tế, hóa đơn bệnh viện, hóa đơn phẫu thuật trong trường hợp có phẫu thuật, giấy xuất viện.
  - Giấy chứng tử và giấy xác nhận quyền thừa kế trong trường hợp tử vong. Trong một số trường hợp, có thể cần thiết phải tiến hành khám nghiệm tử thi với chi phí của UIC.
  - Các chứng từ khác theo hướng dẫn của UIC.
8. Thông báo khẩn cấp về các trường hợp có thể cần phải yêu cầu vận chuyển y tế cấp cứu hoặc hồi hương tử thi phải được gửi tới UIC và được UIC chấp thuận trong vòng 24 giờ trước khi vận chuyển.
9. UIC cần được thông báo bằng văn bản ngay lập tức về các khiếu nại hoặc các quyền đối với bên thứ ba phát sinh từ một khiếu nại đã được bồi thường theo đơn bảo hiểm này. Người mua bảo hiểm/người được bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho UIC về các diễn biến và tiến hành các bước hợp lý mà UIC có thể yêu cầu, bao gồm cả các quyền lợi đã được hưởng theo đơn bảo hiểm này trong trường hợp khiếu nại có liên quan đến bên thứ ba để đòi lại số tiền đã bồi thường từ bên thứ ba đó.
10. Nếu UIC từ chối trách nhiệm với người mua bảo hiểm/người được bảo hiểm, UIC sẽ không chịu trách nhiệm với khiếu nại đó sau 12 tháng kể từ ngày từ chối trừ khi khiếu nại đang được trọng tài phân xử.

### **CHÚ Ý**

***Chúng tôi xin lưu ý rằng quý khách phải khai báo đầy đủ và trung thực tất cả các tình tiết mà quý khách biết hoặc cần phải biết, nếu không quý khách có thể không được hưởng quyền lợi từ đơn bảo hiểm này.***

### **CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG**

1. Tự động thêm bớt nhân viên (Tùy chọn)
2. Ngộ độc thức ăn và đồ uống (Tùy chọn)
3. Điều khoản loại trừ Amiăng
4. Điều khoản loại trừ nhựa mù
5. Điều khoản loại trừ và hạn chế cấm vận
6. Điều khoản loại trừ rủi ro năng lượng hạt nhân (1994)
7. Điều khoản loại trừ rủi ro nhiễm phóng xạ và các thiết lập hạt nhân dễ nổ
8. Điều khoản loại trừ chiến tranh và khủng bố
9. Điều khoản loại trừ trách nhiệm không gian mạng hoặc điều khoản làm rõ các rủi ro về công nghệ thông tin
10. Điều khoản loại trừ Khủng bố - NMA 2921
11. Điều khoản bổ sung Phụ lục 1- Bảng Quyền lợi
12. Điều khoản mở rộng cho Xét nghiệm, Thuốc và Thiết bị Y tế
13. Điều khoản mở rộng Điều trị răng (Tùy chọn)
14. Điều khoản thu hồi chi phí trả trước (Đại lý Wellbe)
15. Điều khoản vận chuyển y tế cấp cứu khu vực Châu Á
16. Điều khoản mở rộng chi phí mai tang

17. Điều khoản mở rộng chi phí xét nghiệm (Tùy chọn)

## PHỤ LỤC 1

### BẢNG QUYỀN LỢI

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM		A	B	C	D	E
Chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn		2.100.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000
Chết do ốm đau bệnh tật		-	-	-	420.000.000	420.000.000
Các chi phí y tế	Tổng hạn mức trách nhiệm năm	1.050.000.000	1.050.000.000	1.680.000.000	1.050.000.000	1.680.000.000
	Tiền phòng một ngày	4.200.000	6.300.000	10.500.000	6.300.000	10.500.000
	Chăm sóc đặc biệt (tối đa 30 ngày)	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
	Chi phí thuê chỗ ở của người đi kèm	420.000	1.050.000	1.050.000	1.050.000	1.050.000
	Chi phí phẫu thuật	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
	Cấy ghép bộ phận cơ thể (một lần trong đời)	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
	Y tá chăm sóc tại nhà (tối đa 60 ngày)	21.000.000	42.000.000	42.000.000	42.000.000	42.000.000
	Điều trị cấp cứu	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
	Chi phí chữa trị răng cấp cứu do tai nạn	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
	Khám trước khi nhập viện	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
	Điều trị sau khi xuất viện	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
	Các chi phí bệnh viện khác	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
	Chi phí thăm khám tại bệnh viện quốc tế (Nếu người được bảo hiểm cần phải nằm viện từ hơn 2 đêm trở lên. UIC sẽ chi trả đủ theo các hạn mức trên đây của chương trình bảo hiểm)	-	10.500.000	42.000.000	10.500.000	42.000.000
	<b>Vận</b>	<b>Tổng hạn mức trách nhiệm</b>	<b>630.000.000</b>	<b>630.000.000</b>	<b>630.000.000</b>	<b>630.000.000</b>

chuyển y tế cấp cứu	năm					
	Chi phí xe cứu thương khẩn cấp tại địa phương	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
Chi phí vận chuyển cấp cứu và hồi hương cho người được bảo hiểm thuộc diện cần được vận chuyển cấp cứu theo định nghĩa nêu trong quy tắc bảo hiểm.	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế	Theo chi phí thực tế
Chi phí vận chuyển cấp cứu và hồi hương cho người được bảo hiểm không thuộc diện cần được vận chuyển cấp cứu theo định nghĩa nêu trong quy tắc bảo hiểm nhưng được bác sỹ điều trị yêu cầu đặc biệt phải vận chuyển cấp cứu tới bệnh viện khác	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000
Phí bảo hiểm	Tuổi 1-18	13.125.000	20.790.000	28.350.000	22.470.000	30.030.000
	Tuổi 19-30	10.500.000	15.750.000	23.100.000	17.430.000	24.780.000
	Tuổi 31-40	11.760.000	17.850.000	25.200.000	27.300.000	26.880.000
	Tuổi 41-50	12.810.000	19.740.000	27.300.000	21.420.000	28.980.000
	Tuổi 51-60	17.220.000	25.200.000	33.600.000	26.880.000	35.280.000
	Tuổi 61-65	20.580.000	27.300.000	37.800.000	28.980.000	39.480.000

(\*) Danh sách quốc gia phạm vi châu á:

Hongkong, China, Vietnam, India, Indonesia, Philippines, Myanmar, Cambodia, Sri Lanka, Malaysia,  
Thailand, Singapore



## PHỤ LỤC 2 DANH SÁCH CƠ SỞ BẢO LÃNH

Lưu ý: Danh sách các bệnh viện tại Phụ lục này có thể thay đổi tùy theo chính sách hợp tác của cơ sở y tế. Danh sách cập nhật nhất được đính kèm theo hợp đồng.

## PHỤ LỤC 3 BẢNG TỶ LỆ THƯƠNG TẬT

### THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ

1. Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt .....	100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được .....	100%
3. Hông toàn bộ chức năng nhai và nói .....	100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống).....	100%
5. Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 bàn chân .....	100%
6. Cắt toàn bộ 1 bên phổi và 1 phần phổi bên kia.....	100%
7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn).....	100%

### THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN

#### Chi Trên

#### THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

8. Mất 1 cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai).....	80%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống.....	75%
10. Cắt cụt 1 cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu) .....	70%
11. Mất trọn 1 bàn tay hoặc cả 5 ngón tay.....	65%
12. Mất đồng thời cả 4 ngón tay (trừ ngón cái) .....	45%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ .....	40%
14. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5 .....	32%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác.....	37%
16. Mất ngón cái và 1 ngón khác.....	32%
17. Mất ngón trỏ và 2 ngón khác.....	37%
18. Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa .....	32%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn .....	27%
- Mất trọn ngón cái .....	22%
- Mất cả đốt ngoài .....	12%
- Mất ½ đốt ngoài .....	8%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn .....	22%
- Mất ngón trỏ.....	20%
- Mất 2 đốt 2 và 3.....	10%
- Mất đốt 3 .....	9%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn).....	20%
- Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn.....	17%
- Mất 2 đốt 2 và 3.....	10%
- Mất đốt 3 .....	5%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn .....	17%
- Mất cả ngón út.....	12%
- Mất 2 đốt 2 và 3.....	9%
- Mất đốt 3 .....	5%
23. Cứng khớp bả vai .....	30%

24. Cứng khớp khuỷu tay .....	30%
25. Cứng khớp cổ tay .....	30%

### THƯƠNG TẬT TAM THỜI

26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả 30%	
27. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	15%
28. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai .....	30%
29. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	25%
30. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai .....	40%
31. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	15%
32. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	25%
33. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can xấu, teo cơ .....	25%
34. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can xấu, teo cơ .....	30%
35. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	12%
36. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	18%
37. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa .....	20%
38. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa .....	25%
39. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	10%
40. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	15%
41. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa .....	15%
42. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa .....	20%
43. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương .....	25%
44. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương .....	35%
45. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương .....	15%
46. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương .....	25%
47. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	10%
48. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	14%
49. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	15%
50. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	18%
51. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	8%
52. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	10%
53. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	12%
54. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	15%
55. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	10%
56. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	13%
57. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	15%
58. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	18%
59. Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%) .....	8 - 16%
60. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	8%
61. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	12%
62. Gãy xương đòn không phẫu thuật, can gỗ, cứng vai .....	18%
63. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can gỗ, cứng vai .....	25%
64. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai .....	30%
65. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai .....	35%

66. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật .....	10%
67. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật.....	15%
68. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật.....	17%
69. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật.....	22%
70. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật .....	30%
71. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật.....	40%
72. Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tăng thêm tương ứng 3%) .....	3 - 12%

### **Chi Dưới**

#### THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

73. Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi).....	80%
74. Cắt cụt 1 đùi	
- 1/3 trên .....	75%
- 1/3 giữa hoặc dưới.....	65%
75. Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối) .....	65%
76. Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân.....	60%
77. Mất xương sên.....	37%
78. Mất xương gót.....	40%
79. Mất đoạn xương chày, mác gãy khớp giả cẳng chân.....	40%
80. Mất đoạn xương mác.....	25%
81. Mất mắt cá chân	
- Mắt cá ngoài .....	12%
- Mắt cá trong .....	17%
82. Mất cả 5 ngón chân .....	50%
83. Mất 4 ngón cả ngón cái .....	42%
84. Mất 4 ngón trừ ngón cái .....	40%
85. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5.....	27%
86. Mất 3 ngón 1 - 2 - 3.....	32%
87. Mất 1 ngón cái và ngón 2 .....	22%
88. Mất 1 ngón cái.....	17%
89. Mất 1 ngón ngoài ngón cái .....	12%
90. Mất 1 đốt ngón cái.....	10%
91. Cứng khớp háng .....	50%
92. Cứng khớp gối.....	35%
93. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi.....	50%
94. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
- ít nhất 5 cm.....	42%
- từ 3 - 5 cm .....	37%
95. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài.....	40%
96. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong .....	30%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

97. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	20%
98. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	30%
99. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ ..	30%
100. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ.....	40%
101. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	25%
102. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng .....	35%
103. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ.....	35%
104. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ.....	45%
105. Gãy cổ xương đùi, không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi.....	45%

106. Gãy cổ xương đùi, có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi.....	55%
107. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	20%
108. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	25%
109. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	25%
110. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	30%
111. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	15%
112. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	18%
113. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	18%
114. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	22%
115. Gãy đoạn mâm chày, không phẫu thuật.....	15%
116. Gãy đoạn mâm chày, có phẫu thuật.....	25%
117. Gãy xương mác, không phẫu thuật.....	10%
118. Gãy xương mác, có phẫu thuật.....	20%
119. Đứt gân bánh chè, cơ năng khớp gối tốt.....	15%
120. Đứt gân bánh chè, hạn chế cơ năng khớp gối.....	25%
121. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật.....	10%
122. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật.....	20%
123. Gãy xương bánh chè không phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu.....	25%
124. Gãy xương bánh chè có phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu.....	30%
125. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân tốt.....	15%
126. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân bị hạn chế.....	20%
127. Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%).....	7 - 15%
128. Gãy xương gót, không phẫu thuật.....	15%
129. Gãy xương gót, có phẫu thuật.....	20%
130. Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%).....	4 - 12%
131. Gãy ngành ngang xương mu, không dập niệu đạo.....	25%
132. Gãy ngành ngang xương mu, có dập niệu đạo.....	32%
133. Gãy ụ ngồi.....	25%
134. Gãy cánh xương chậu 1 bên, không điều trị chỉnh hình.....	20%
135. Gãy cánh xương chậu 1 bên, có điều trị chỉnh hình.....	30%
136. Gãy xương chậu 2 bên, liền xương tốt, không méo xương chậu.....	40%
137. Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu ảnh hưởng đến sinh đẻ.....	55%
138. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn.....	10%
139. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn.....	15%
140. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn.....	25%
141. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn.....	35%

### **Cột Sống**

### THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

142. Cắt bỏ cung sau của 1 đốt sống .....	35%
143. Cắt bỏ cung sau của 2 - 3 đốt sống trở lên.....	50%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

144. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, không phẫu thuật, không liệt tủy .....	30%
145. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, có phẫu thuật, không liệt tủy.....	40%
146. Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy .....	50%
147. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, không phẫu thuật .....	10%
148. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, có phẫu thuật .....	17%
149. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, không phẫu thuật.....	25%
150. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, có phẫu thuật .....	45%

#### Sọ Não

#### THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

151. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6 cm .....	30%
152. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10 cm.....	50%
153. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10 cm .....	60%
154. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não:	
- nói ngọng , nói lắp, nói khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp.....	35%
- không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca .....	65%
- mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Werricke .....	60%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

155. Lộ da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ).....	50%
156. Vết thương sọ não hở, xương bị nứt rạn.....	45%
157. Vết thương sọ não hở, lún xương sọ.....	45%
158. Vết thương sọ não hở, nhiều mảnh xương đi sâu vào não.....	55%
159. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), không điều trị phẫu thuật 20%	
160. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), có điều trị phẫu thuật 30%	
161. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật 30%	
162. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật 40%	
163. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật 40%	
164. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật 50%	
165. Chấn thương sọ não gây chấn động não .....	15%
166. Chấn thương sọ não gây phù não .....	50%
167. Chấn thương sọ não gây giập não, dẹp não .....	55%
168. Chấn thương sọ não gây chảy máu khoang dưới nhện .....	50%
169. Chấn thương sọ não gây máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não) .....	40%

#### Lồng Ngực

#### THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

170. Cắt bỏ 1 - 2 xương sườn .....	17%
171. Cắt bỏ 3 xương sườn (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%).....	25%
172. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm tăng 3%) .....	8%
173. Cắt toàn bộ 1 bên phổi.....	75%
174. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50% .....	70%
175. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên .....	55%

176. Cắt 1 thùy phổi .....40%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

177. Gãy 1 - 2 xương sườn, không phẫu thuật .....	7%
178. Gãy 1 - 2 xương sườn, có phẫu thuật .....	12%
179. Gãy 3 xương sườn trở lên, không phẫu thuật .....	15%
180. Gãy 3 xương sườn trở lên, có phẫu thuật .....	25%
181. Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường) .....	15%
182. Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường).....	25%
183. Mỡ hoặc rạn nứt xương ức.....	12%
184. Trần dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần).....	8%
185. Trần khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu).....	25%
186. Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim) .....	55%
187. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả hạn chế.....	65%
188. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả tốt.....	40%

#### **Bụng**

#### THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

189. Cắt toàn bộ dạ dày .....	80%
190. Cắt đoạn dạ dày .....	55%
191. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m).....	80%
192. Cắt đoạn ruột non .....	45%
193. Cắt toàn bộ đại tràng .....	80%
194. Cắt đoạn đại tràng .....	55%
195. Cắt bỏ gan phải đơn thuần.....	75%
196. Cắt bỏ gan trái đơn thuần .....	65%
197. Cắt ½ của một thùy gan.....	60%
198. Cắt 1/3 của một thùy gan.....	40%
199. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan .....	30%
200. Cắt bỏ túi mật .....	50%
201. Cắt bỏ lá lách.....	45%
202. Cắt bỏ đuôi tụy, lách .....	65%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

203. Khâu lỗ thủng dạ dày .....	30%
204. Khâu lỗ thủng ruột non (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng).....	35%
205. Khâu lỗ thủng đại tràng (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng) .....	35%
206. Đụng dập gan, khâu gan .....	40%
207. Khâu vỡ lách .....	25%
208. Khâu tụy .....	32%

#### **Cơ quan tiết niệu, sinh dục**

#### THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

209. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường.....	55%
210. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý .....	75%
211. Cắt 1 phần thận trái hoặc phải .....	35%
212. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa con .....	75%
213. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi .....	60%
214. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người trên 55 tuổi .....	40%
215. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa con.....	65%
216. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con.....	35%
217. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người trên 45 tuổi .....	27%
218. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 1 bên.....	25%



219. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 2 bên .....	50%
220. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 1 bên .....	17%
221. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 2 bên .....	35%
222. Cắt 1 phần bàng quang .....	30%

**THƯƠNG TẬT TẠM THỜI**

223. Chấn thương thận nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày).....	6%
224. Chấn thương thận trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày) .....	12%
225. Chấn thương thận nặng (có đưng dập, phải can thiệp ngoại khoa).....	50%
226. Mổ thông bàng quang vĩnh viễn .....	75%
227. Khâu lỗ thủng bàng quang (có thể một hay nhiều lỗ thủng).....	32%

**Mắt**

**THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN**

228. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả.....	60%
229. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả.....	55%
230. Một mắt thị lực còn đến 1/10 .....	37%
231. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10 .....	15%
232. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10 .....	10%
233. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù 1 mắt rồi .....	90%

**Tai – Mũi – Họng**

**THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN**

234. Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được .....	80%
235. Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe) .....	65%
236. Điếc 2 tai vừa (nói to 1 - 2 m còn nghe) .....	40%
237. Điếc 2 tai nhẹ (nói to 2 - 4 m còn nghe) .....	20%
238. Điếc 1 tai hoàn toàn không phục hồi được .....	35%
239. Điếc 1 tai mức độ vừa .....	15%
240. Điếc 1 tai mức độ nhẹ.....	8%
241. Mất vành tai 2 bên .....	30%
242. Mất vành tai 1 bên .....	15%
243. Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai .....	20%
244. Mất mũi hoàn toàn.....	40%
245. Biến dạng mũi .....	18%
246. Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt .....	30%

**Răng - Hàm - Mặt**

**THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN**

247. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cành cao trở xuống khác bên .....	85%
248. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cành cao trở xuống cùng bên .....	75%
249. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới .....	75%
250. Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ 1/3 đến 1/2 bị mất từ cành cao trở xuống ....	40%
251. Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương .....	22%
252. Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả .....	35%
253. Mất răng trên 8 cái lắp được răng giả.....	25%
254. Mất từ 5 đến 7 răng .....	20%
255. Mất từ 3 đến 4 răng .....	10%
256. Mất từ 1 đến 2 răng .....	4%
257. Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra).....	80%
258. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi .....	55%
259. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm .....	20%
260. Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm.....	10%

**THƯƠNG TẬT TẠM THỜI**

261. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt .....	20%
262. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt .....	25%
263. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó.....	30%
264. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó.....	35%
265. Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	20%

### Vết Thương Phần Mềm – Bỏng

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

266. Vết thương phần mềm (VTPM) là các vết cắt, chém bề rộng dưới 2 cm gây rách da, rách niêm mạc ... không ảnh hưởng đến cơ năng, chiều dài:	
– Từ 2 cm – 4 cm .....	2%
– Từ 4 cm – 7 cm .....	3%
– Từ 7 cm – 10 cm .....	4%
– Từ 10 cm – 15 cm.....	5%
– Trên 15 cm .....	7%
267. Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích:	
– Dưới 9 cm <sup>2</sup> .....	2%
– Từ 9 cm <sup>2</sup> đến 12 cm <sup>2</sup> .....	3%
– Từ 12 cm <sup>2</sup> đến 16 cm <sup>2</sup> .....	4%
– Từ 16 cm <sup>2</sup> đến 24 cm <sup>2</sup> .....	6%
– Từ 24 cm <sup>2</sup> đến 30 cm <sup>2</sup> .....	8%
– Từ 30 cm <sup>2</sup> đến 35 cm <sup>2</sup> .....	10%
– Trên 35 cm <sup>2</sup> .....	12%
(Nếu các vết thương trên (266 và 167) do súc vật gây ra thì cộng thêm 1% vào tỷ lệ ở trên)	
268. Vết thương phần mềm gây bong gân ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai	4%
269. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân .....	2%
270. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai	7%
271. Bỏng nông (độ I, độ II)	
- diện tích dưới 5% .....	4%
- diện tích từ 5 - 15% .....	12%
- diện tích trên 15% .....	20%
272. Bỏng sâu (độ III, độ IV)	
- diện tích dưới 5% .....	22%
- diện tích từ 5 - 15% .....	40%
- diện tích trên 15% .....	70%

#### THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

273. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng đau, rát, tê, co, kéo lâu dài sau khi liền vết thương: cộng thêm 5% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên	
274. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 ảnh hưởng đến mạch máu lớn, thần kinh: cộng thêm 10% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên	
275. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 nhưng là vết thương ở ngực, bụng, sau khi liền vết thương để lại di chứng ảnh hưởng đến hô hấp: cộng thêm 20% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.	
276. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng sẹo cơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ: cộng thêm 30% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.	
277. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, ảnh hưởng nhiều đến ăn uống: cộng thêm 35% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.	
278. Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng .....	25%

#### NGUYÊN TẮC TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc trả tiền bảo hiểm theo bảng này tuân theo những nguyên tắc sau đây:

1. Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
2. Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỉ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng.
3. Trường hợp có nhiều thương tật, tiền bảo hiểm được trả cho từng thương tật tương ứng nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp có nhiều thương tật ở cùng cùng một chi, tổng số tiền trả cho các thương tật không được vượt quá tỷ lệ mất chi đó.
4. Những trường hợp phải mổ lại, đập can xương làm lại được trả thêm 50% của tỷ lệ trả cho trường hợp đó nhưng tổng tỷ lệ chi trả không vượt quá 100%.